



Datum: _____

- Therapie
Deutsch
- Treatment
Englisch
- Traitement
Französisch
- 治療法
Japanisch
- 치료
Koreanisch
- 服藥方法
Chinesisch
- Kế hoạch điều trị
Vietnamesisch
- தொடர் சிகிச்சை
Tamilisch

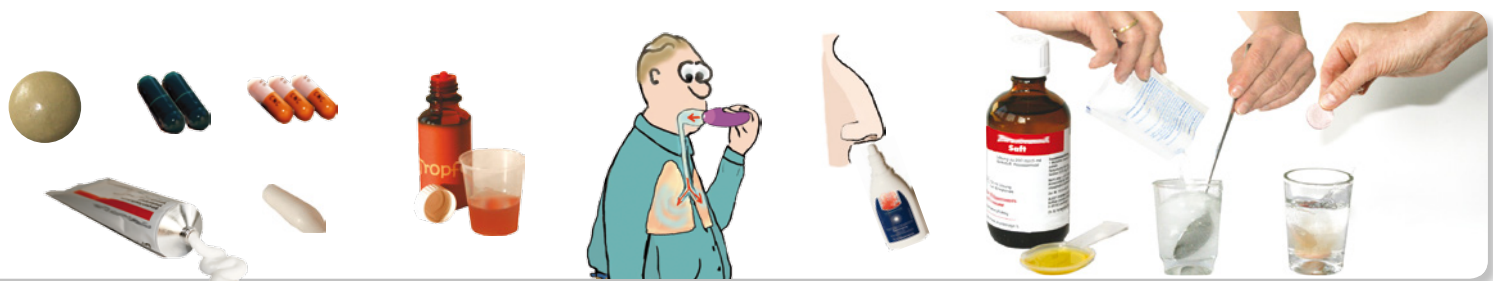


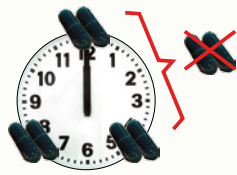
Datum					

- | | | | |
|---|---|---|---|
| <input type="checkbox"/> morgens
in the morning
au matin
午前
오전
上午
buổi sáng
காலையில் | <input type="checkbox"/>
mittags
at noon
à midi
午後
정오
中午
buổi trưa
மதியத்தில் | <input type="checkbox"/>
abends
in the evening
le soir
夜か
저녁
晚上
buổi tối
மாலையில் | <input type="checkbox"/>
zur Nacht
at night
la nuit
ら深夜
밤
夜裡
ban đêm
இரவில் |
|---|---|---|---|



- | | | | |
|---|---|--|--------------------------------|
| <input type="checkbox"/> vor
before
avant
食前
전에
飯前
trước
முன்னர் | <input type="checkbox"/> zum
during
pendant
食間
식사시
進/進餐同时
trong
உடன் | <input type="checkbox"/> nach dem Essen
after the meals
après le repas
食後
식사후
飯后
sau bữa ăn
சாப்பாட்டின் பின் | <input type="checkbox"/> |
|---|---|--|--------------------------------|





*4 Stunden
..... Stunden
hours
heures
時間
시간
小时

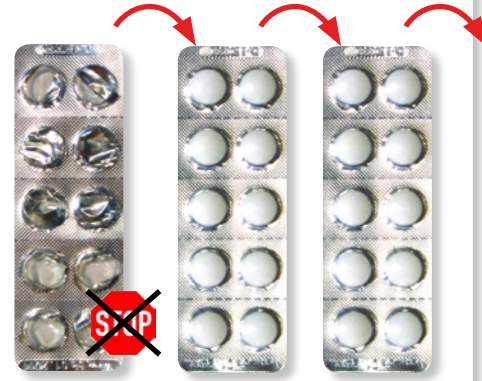
4x2 Tabletten
..... Tabletten
tablets
cachets
錠劑
알약
片剂

3x20 Tropfen
..... Tropfen
drops
gouttes
滴藥
방울
液剂

** giờ đồng hồ một lần
உ.ம். ஒவ்வொரு 4
மணித்தியாலத்திற்கும்

viên
குளிகைகள்

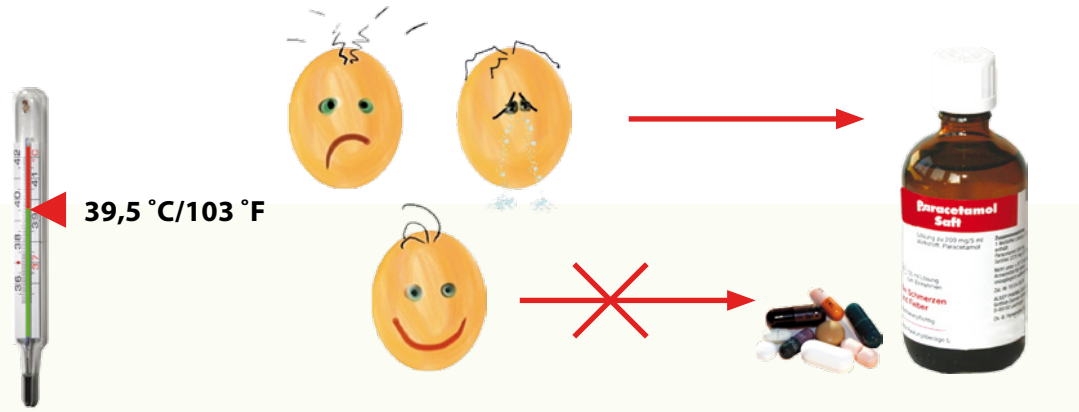
giọt
குளிகைகள்



.....
nicht mehr/ nicht öfter als alle ...*
not more/ no more often than every...*
pas plus/ pas plus fréquemment que ...*
もういらない/すべてよりしばしばでなく
(例: 4時間ごととして...あるいは、ほんの3錠/20滴)
하지않음/ 몇 시간 이후 ...*
(예, ...4시간 마다 또는...3알/20방울보다 적게)
間隔別超過 ... 小时 / 每天別超過 ... 次*
(不要超過3个小时或 ... 別超過3湯勺/20滴)
không uống nhiều hơn /
không uống nhiều lần hơn là cứ ...*
(ví dụ như: 4 giờ đồng hồ một lần (alle 4h)**
hoặc là uống 4 lần, mỗi lần 2 viên (4x2 Tbl.)** / hoặc là uống 3 lần, mỗi lần 20 giọt (3x20 Trpf.)**
இனி வேண்டாம்...*உட்கொள்க

.....
einnehmen bis die Tabletten alle sind
ingest until the medicine is finished
prenez jusqu'à que le médicament soit fini
全ての錠剤を服用する。
복용하지 않아도 될때까지
请把藥全部服完
uống thuốc cho đến khi hết thuốc
குளிகைகள் முடியும்வரை உட்கொள்ளவும்

.....
Tabletteneinnahme nicht unterbrechen
don't discontinue administration
n'interrompez pas le traitement
錠剤を中断しない。
처방된 약을 꾸준히 복용하세요
不要間斷/间断
không được gián đoạn việc uống thuốc
ப குளிகைகள் உட்கொள்வதை
இடைநிறுத்த வேண்டாம்



zusätzlich:
additional:
additionnel:
補足
추가사항:
如又有:
bổ sung:
மேலதிகமாக

.....
bei Fieber
when fever
avec la fièvre
熱
열이 있을때
发烧
khi bị sốt
காய்சலின் போது

.....
bei Schmerzen
when pain
avec douleurs
痛み
통증이 있을때
疼痛
khi bị đau nhức
வேதனையின் போது

.....
bei Bedarf
if required
si nécessaire
必要な際は
무언가가 필요할때
如有必要
khi cần thiết
அவசியமாகும் போது

.....
Wiederkommen
another appointment
un autre rendez-vous
再院下さい。
다시 방문해 주세요
再次就診
Tái khám
திரும்பவும் வரவும்



Kostenloser Download unter www.medi-bild.de Bild und Sprache e.V.

setzer verlag seyfferstraße 53, 70197 stuttgart, www.setzer-verlag.de, info@setzer-verlag.de

Fax +49 (0) 7 11 / 63 323 62

Weitere tip-doc-Materialien und Sprachen unter www.tipdoc.de
Bei Ihrer Bestellung bitte Adresse nicht vergessen!!

© setzer verlag, keine Gewähr